

**KH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN CÁC CƠ SỞ ĐÀO
KỲ THI NGÀY 25/10/2026**

điểm thi: Trường Đại học Ngoại ngữ (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng) - TẦNG 4
Thời gian các ca thi: Ca 1: 7h00 - 11h30; Ca 2: 13h00 – 17h00

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
1	251001	Nguyễn Đắc An	121190002	19KTCLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
2	251002	Võ Sỹ An	109220004	22BIM_AI	1	01 (A401)	ĐHBK
3	251003	Hoàng Thị Anh	118230052	23QLCN2	1	01 (A401)	ĐHBK
4	251004	Nguyễn Đăng Anh	103200074	20C4CLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
5	251005	Nguyễn Hải Anh	105220047	22D2	1	01 (A401)	ĐHBK
6	251006	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	107250005	25SH	1	01 (A401)	ĐHBK
7	251007	Nguyễn Quang Anh	121190004	19KTCLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
8	251008	Trần Thế Anh	103220047	22C4B	1	01 (A401)	ĐHBK
9	251009	Trương Công Anh	107200234	20SH1	1	01 (A401)	ĐHBK
10	251010	Hồ Thị Ánh	107200086	20H2CLC	1	01 (A401)	ĐHBK
11	251011	Lê Văn Bắc	109220005	22BIM_AI	1	01 (A401)	ĐHBK
12	251012	Nguyễn Chí Bảo	111220071	22X2	1	01 (A401)	ĐHBK
13	251013	Nguyễn Thái Bảo	109220166	22CSHT	1	01 (A401)	ĐHBK
14	251014	Lê Văn Bình	111220072	22X2	1	01 (A401)	ĐHBK
15	251015	Nguyễn Bá Đại	103220096	22C4C	1	01 (A401)	ĐHBK
16	251016	Nguyễn Ngọc Đạt	110220135	22X1C	1	01 (A401)	ĐHBK
17	251017	Chu Đình Điệp	101200155	20C1C	1	01 (A401)	ĐHBK
18	251018	Huỳnh Minh Đức	118210057	21KXCLC	1	01 (A401)	ĐHBK
19	251019	Nguyễn Hữu Đức	103210188	21HTCN2	1	01 (A401)	ĐHBK
20	251020	Nguyễn Hữu Dũng	103220182	22KTOTO1	1	01 (A401)	ĐHBK
21	251021	Trần Trung Dũng	103230059	23C4B	1	01 (A401)	ĐHBK
22	251022	Trịnh Ngọc Dũng	103200186	20C4CLC4	1	01 (A401)	ĐHBK
23	251023	Trần Thị Thùy Dương	107200278	20SH2	1	01 (A401)	ĐHBK
24	251024	Đinh Văn Duy	105220009	22D1	1	01 (A401)	ĐHBK
25	251025	Huỳnh Minh Duy	111220076	22X2	1	01 (A401)	ĐHBK
26	251026	Nguyễn Văn Nguyên Duy	101190150	19C1C	1	01 (A401)	ĐHBK
27	251027	Nguyễn Văn Duyên	111210086	21THXD2	1	01 (A401)	ĐHBK
28	251028	Lê Văn Hậu	103190010	19C4CLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
29	251029	Hoàng Trung Hiếu	103200117	20C4CLC2	1	02 (A402)	ĐHBK
30	251030	Vy Minh Hiếu	105190011	19DCLC1	1	02 (A402)	ĐHBK
31	251031	Lê Ngọc Hoa	103200154	20C4CLC3	1	02 (A402)	ĐHBK
32	251032	Nguyễn Phú Hòa	101210165	21C1C	1	02 (A402)	ĐHBK
33	251033	Võ Tấn Hòa	101210212	21C1D	1	02 (A402)	ĐHBK
34	251034	Lê Đỗ Nhật Hoàng	118210121	21KXCLC	1	02 (A402)	ĐHBK
35	251035	Trần Đình Hoàng	105200265	20DCLC4	1	02 (A402)	ĐHBK
36	251036	Nguyễn Thị Thu Hồng	107200102	20H2CLC	1	02 (A402)	ĐHBK
37	251037	Đoàn Văn Hùng	101220148	22C1C	1	02 (A402)	ĐHBK
38	251038	Huỳnh Châu Hưng	103200084	20C4CLC1	1	02 (A402)	ĐHBK
39	251039	Ngô Phùng Hưng	121190015	19KTCLC1	1	02 (A402)	ĐHBK
40	251040	Nguyễn Ngọc Hưng	103220187	22KTOTO1	1	02 (A402)	ĐHBK
41	251041	Nguyễn Tấn Hưng	118220010	22KX1	1	02 (A402)	ĐHBK
42	251042	Nguyễn Viết Gia Hưng	101240230	24CDT1	1	02 (A402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
43	251043	Trịnh Công Hưng	107220231	22KTHH2	1	02 (A402)	ĐHBK
44	251044	Thái Văn Nhật Hữu	110200100	20X1CLC1	1	02 (A402)	ĐHBK
45	251045	Trần Văn Hữu	102200051	20TCLC_D T1	1	02 (A402)	ĐHBK
46	251046	Nguyễn Mạnh Huy	106200195	20DTCLC4	1	02 (A402)	ĐHBK
47	251047	Nguyễn Ngọc Huy	110220086	22X1B	1	02 (A402)	ĐHBK
48	251048	Nguyễn Quốc Huy	101200168	20C1C	1	02 (A402)	ĐHBK
49	251049	Nguyễn Văn Huy	106200162	20DTCLC3	1	02 (A402)	ĐHBK
50	251050	Phan Quốc Huy	109210189	21X3B	1	02 (A402)	ĐHBK
51	251051	Võ Hoàng Phúc Huy	111220082	22X2	1	02 (A402)	ĐHBK
52	251052	Võ Vương Huy	101190450	19CDTCLC 4	1	02 (A402)	ĐHBK
53	251053	Nguyễn Tam Khải	103200122	20C4CLC2	1	02 (A402)	ĐHBK
54	251054	Võ Nguyễn Khâm	105200366	20TDHCLC 1	1	02 (A402)	ĐHBK
55	251055	Phạm Trường Khang	104240023	24N1	1	02 (A402)	ĐHBK
56	251056	Trần Phan Duy Khang	110220152	22X1C	1	02 (A402)	ĐHBK
57	251057	Nguyễn Vũ Khiêm	105200166	20DCLC1	1	03 (A403)	ĐHBK
58	251058	Lê Sỹ Kiên	101220340	22CDT3	1	03 (A403)	ĐHBK
59	251059	Nguyễn Công Kiên	103210048	21HTCN	1	03 (A403)	ĐHBK
60	251060	Phan Tuấn Kiệt	110220154	22X1C	1	03 (A403)	ĐHBK
61	251061	Bùi Thanh Lịch	104190022	19NCLC	1	03 (A403)	ĐHBK
62	251062	Nguyễn Ngọc Thành Long	101210320	21CDTCLC 1	1	03 (A403)	ĐHBK
63	251063	Nguyễn Thành Long	103200126	20C4CLC2	1	03 (A403)	ĐHBK
64	251064	Trần Đức Lương	101210132	21C1B	1	03 (A403)	ĐHBK
65	251065	Thái Ngọc Luyến	105210152	21D2	1	03 (A403)	ĐHBK
66	251066	Trần Thị Mai	118210060	21KXCLC	1	03 (A403)	ĐHBK
67	251067	Bùi Bá Mạnh	109210193	21X3B	1	03 (A403)	ĐHBK
68	251068	Lương Khởi Minh	110220159	22X1C	1	03 (A403)	ĐHBK
69	251069	Nguyễn Phước Lê Minh	103200254	20HTCN	1	03 (A403)	ĐHBK
70	251070	Bùi Đình Phương Nam	103200163	20C4CLC3	1	03 (A403)	ĐHBK
71	251071	Lê Huy Nam	101200111	20C1B	1	03 (A403)	ĐHBK
72	251072	Mai Xuân Nam	101200178	20C1C	1	03 (A403)	ĐHBK
73	251073	Lê Thị Bích Ngọc	107210180	21H2CLC2	1	03 (A403)	ĐHBK
74	251074	Nguyễn Duy Nguyên	110200150	20X1CLC2	1	03 (A403)	ĐHBK
75	251075	Trần Xuân Nguyên	102200142	20TCLC_D T3	1	03 (A403)	ĐHBK
76	251076	Nguyễn Hữu Nhã	101210027	21C1A	1	03 (A403)	ĐHBK
77	251077	Nguyễn Cảnh Nhân	107220025	22H2A	1	03 (A403)	ĐHBK
78	251078	Bùi Thị Hà Nhi	117220054	22QLMT	1	03 (A403)	ĐHBK
79	251079	Dương Văn Nhựt	121190031	19KTCLC1	1	03 (A403)	ĐHBK
80	251080	Bùi Trinh Nữ	109210044	21X3CLC	1	03 (A403)	ĐHBK
81	251081	Nguyễn Thị Kim Oanh	107220242	22KTHH2	1	03 (A403)	ĐHBK
82	251082	Trần Nguyễn Lê Phong	107170099	17H5CLC	1	03 (A403)	ĐHBK
83	251083	Lê Văn Linh Phú	111220088	22X2	1	03 (A403)	ĐHBK
84	251084	Trần Đình Phú	110200111	20X1CLC1	1	03 (A403)	ĐHBK
85	251085	Hồ Đắc Ngọc Phúc	121190032	19KTCLC1	1	04 (B401)	ĐHBK
86	251086	Lê Nguyễn Hữu Phúc	104220029	22N1	1	04 (B401)	ĐHBK
87	251087	Nguyễn Ngọc Phúc	110220102	22X1B	1	04 (B401)	ĐHBK
88	251088	Phạm Lê Hồng Phúc	121190078	19KTCLC2	1	04 (B401)	ĐHBK
89	251089	Thân Công Phúc	105220166	22D4	1	04 (B401)	ĐHBK
90	251090	Trần Thị Mai Phương	118240088	24KX2	1	04 (B401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
91	251091	Dương Công Quân	105210394	21TDHCLC 2	1	04 (B401)	ĐHBK
92	251092	Hồ Khả Quang	103230083	23C4B	1	04 (B401)	ĐHBK
93	251093	Nguyễn Hồng Quang	101180316	18CDTCLC	1	04 (B401)	ĐHBK
94	251094	Võ Nguyễn Nhật Quang	109210152	21X3	1	04 (B401)	ĐHBK
95	251095	Bùi Văn Quốc	103210175	21C4CLC2	1	04 (B401)	ĐHBK
96	251096	Lê Đình Quý	110220169	22X1C	1	04 (B401)	ĐHBK
97	251097	Lê Hữu Thiên Quý	110200043	20X1A	1	04 (B401)	ĐHBK
98	251098	Nguyễn Văn Quý	102160259	16TCLC3	1	04 (B401)	ĐHBK
99	251099	Từ Nguyễn Ngọc Quyền	109200140	20X3	1	04 (B401)	ĐHBK
100	251100	Dương Văn Sang	101200459	20CKHK	1	04 (B401)	ĐHBK
101	251101	Nguyễn Đức Sang	104220032	22N1	1	04 (B401)	ĐHBK
102	251102	Hồ Văn Sơn	121190081	19KTCLC2	1	04 (B401)	ĐHBK
103	251103	Đoàn Thị Sương	107200062	20H2	1	04 (B401)	ĐHBK
104	251104	Nguyễn Thị Diễm Sương	117210041	21QLMT	1	04 (B401)	ĐHBK
105	251105	Lê Đăng Tài	103200100	20C4CLC1	1	04 (B401)	ĐHBK
106	251106	Trần Nhật Anh Tài	103230087	23C4B	1	04 (B401)	ĐHBK
107	251107	Trần Văn Tài	106200209	20DTCLC4	1	04 (B401)	ĐHBK
108	251108	Lê Thanh Tâm	106200142	20DTCLC2	1	04 (B401)	ĐHBK
109	251109	Trần Văn Tâm	105190411	19TDHCLC 5	1	04 (B401)	ĐHBK
110	251110	Hồ Ngọc Tân	111210055	21THXD1	1	04 (B401)	ĐHBK
111	251111	Nguyễn Ngọc Tân	110200117	20X1CLC1	1	04 (B401)	ĐHBK
112	251112	Phan Phước Nhật Tân	118200123	20KXCLC	1	04 (B401)	ĐHBK
113	251113	Lê Anh Thắng	105220171	22D4	1	05 (B402)	ĐHBK
114	251114	Trương Quốc Thắng	110210126	21X1B	1	05 (B402)	ĐHBK
115	251115	Nguyễn Ngọc Thanh	110220111	22X1B	1	05 (B402)	ĐHBK
116	251116	Nguyễn Phúc Thành	111220092	22X2	1	05 (B402)	ĐHBK
117	251117	Nguyễn Văn Thành	105240396	24TDH3	1	05 (B402)	ĐHBK
118	251118	Huỳnh Thị Thanh Thảo	118220081	22KX2	1	05 (B402)	ĐHBK
119	251119	Nguyễn Hoàng Thiện	117220019	22MT	1	05 (B402)	ĐHBK
120	251120	Nguyễn Văn Thiện	107240151	24H2C	1	05 (B402)	ĐHBK
121	251121	Trần Công Thịnh	111220094	22X2	1	05 (B402)	ĐHBK
122	251122	Trần Công Quốc Thọ	103210020	21C4A	1	05 (B402)	ĐHBK
123	251123	Đặng Như Thông	110190035	19X1CLC1	1	05 (B402)	ĐHBK
124	251124	Phạm Phú Thông	101210367	21CDTCLC 2	1	05 (B402)	ĐHBK
125	251125	Nguyễn Thụy Minh Thư	118220037	22KX1	1	05 (B402)	ĐHBK
126	251126	Lý Văn Thuận	101210369	21CDTCLC 2	1	05 (B402)	ĐHBK
127	251127	Hoàng Nam Thương	105240123	24D2	1	05 (B402)	ĐHBK
128	251128	Cao Thị Thủy	118210140	21KXCLC	1	05 (B402)	ĐHBK
129	251129	Nguyễn Thị Thu Thủy	103210209	21HTCN2	1	05 (B402)	ĐHBK
130	251130	Lê Anh Tiến	105190365	19TDHCLC 4	1	05 (B402)	ĐHBK
131	251131	Võ Quang Tiến	105190126	19DCLC3	1	05 (B402)	ĐHBK
132	251132	Nguyễn Công Tính	110200049	20X1A	1	05 (B402)	ĐHBK
133	251133	Nguyễn Thị Toàn	102220087	22T_DT1	1	05 (B402)	ĐHBK
134	251134	Lê Thị Hoài Trâm	107240281	24KTHH1	1	05 (B402)	ĐHBK
135	251135	Nguyễn Thị Thanh Trâm	118230240	23KX2	1	05 (B402)	ĐHBK
136	251136	Hoàng Thị Trang	107220367	22SHYD	1	05 (B402)	ĐHBK
137	251137	Phan Thị Thu Trang	109220124	22X3B	1	05 (B402)	ĐHBK
138	251138	Nguyễn Minh Trí	107210311	21SH2	1	05 (B402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
139	251139	Huỳnh Nguyên Triệu	118210109	21KX	1	05 (B402)	ĐHBK
140	251140	Nguyễn Trọng Trình	103210288	21KTOTO2	1	05 (B402)	ĐHBK
141	251141	Nguyễn Văn Trức	106200214	20DTCLC4	1	06 (B403)	ĐHBK
142	251142	Hoàng Trọng Trường	107220040	22H2A	1	06 (B403)	ĐHBK
143	251143	Phan Công Tuấn	104210072	21N	1	06 (B403)	ĐHBK
144	251144	Đinh Quốc Tuấn	118210054	21KXCLC	1	06 (B403)	ĐHBK
145	251145	Lê Phạm Anh Tuấn	101200207	20C1C	1	06 (B403)	ĐHBK
146	251146	Trần Anh Tuấn	103200143	20C4CLC2	1	06 (B403)	ĐHBK
147	251147	Lê Văn Tuấn	105200349	20TDH2	1	06 (B403)	ĐHBK
148	251148	Đoàn Thanh Tùng	106220039	22DT1	1	06 (B403)	ĐHBK
149	251149	Mai Văn Tùng	121210117	21KT2	1	06 (B403)	ĐHBK
150	251150	Vũ Thanh Tuyền	118220046	22KX1	1	06 (B403)	ĐHBK
151	251151	Trần Thị Phương Uyên	107230316	23H2A	1	06 (B403)	ĐHBK
152	251152	Võ Thị Thảo Uyên	107200136	20H2CLC	1	06 (B403)	ĐHBK
153	251153	Nguyễn Bá Việt	101210040	21C1A	1	06 (B403)	ĐHBK
154	251154	Nguyễn Quang Vinh	104210031	21NCLC	1	06 (B403)	ĐHBK
155	251155	Bùi Tá Thiên Vũ	103210186	21C4CLC2	1	06 (B403)	ĐHBK
156	251156	Nguyễn Thanh Vũ	109210167	21X3	1	06 (B403)	ĐHBK
157	251157	Văn Phú Vỹ	110180134	18X1B	1	06 (B403)	ĐHBK
158	251158	Đỗ Thị Kim Xuân	118220148	22QLCN1	1	06 (B403)	ĐHBK
159	251159	Nguyễn Phương Anh	231121132103	49K32.1	1	06 (B403)	ĐHKT
160	251160	Phạm Công Bình	221121006207	48K06.2	1	06 (B403)	ĐHKT
161	251161	Nguyễn Ngọc Đức	221121132206	48K32.2	1	06 (B403)	ĐHKT
162	251162	Ngô Nguyễn Thùy Dung	221121514108	48K14.1	1	06 (B403)	ĐHKT
163	251163	Trần Thị Thúy Hằng	221120913213	48K13.2	1	06 (B403)	ĐHKT
164	251164	Trần Thị Hạnh	221121317107	48K17.1	1	06 (B403)	ĐHKT
165	251165	Nguyễn Thu Hiền	221121407212	48K07.2	1	06 (B403)	ĐHKT
166	251166	Đặng Thị Thu Hường	211122015319	47K15.3	1	06 (B403)	ĐHKT
167	251167	Trần Thị Phương Ly	211121006328	47K06.3	1	06 (B403)	ĐHKT
168	251168	Đinh Thảo My	221121132229	48K32.2	1	06 (B403)	ĐHKT
169	251169	Huỳnh Chính Nguyên	221121006232	48K06.2	1	07 (C401)	ĐHKT
170	251170	Lê Thị Mỹ Nữ	231121927117	49K27	1	07 (C401)	ĐHKT
171	251171	Đỗ Nguyễn Hồng Quân	221121302225	48K02.2	1	07 (C401)	ĐHKT
172	251172	Đỗ Thị Thu Thảo	231124029232	49K29.2	1	07 (C401)	ĐHKT
173	251173	Nguyễn Ngọc Thông	221121120148	48K20	1	07 (C401)	ĐHKT
174	251174	Nguyễn Quang Thông	231124029132	49K29.1	1	07 (C401)	ĐHKT
175	251175	Lê Thanh Thư	221121006245	48K06.2	1	07 (C401)	ĐHKT
176	251176	Mai Thị Thu Thủy	231121514145	49K14.1	1	07 (C401)	ĐHKT
177	251177	Đinh Thị Huyền Trang	231121006447	49K06.4	1	07 (C401)	ĐHKT
178	251178	Hoàng Thị Hiền Trinh	231121514149	49K32.2	1	07 (C401)	ĐHKT
179	251179	Nguyễn Tiến Vinh	221121006556	48K06.5	1	07 (C401)	ĐHKT
180	251180	Hồ Văn An	3180522001	22CLS	1	07 (C401)	ĐHSP
181	251181	Võ Thị Hoàng An	3170123001	23SNV1	1	07 (C401)	ĐHSP
182	251182	Nguyễn Bá Văn Anh	3190423003	23CDDL	1	07 (C401)	ĐHSP
183	251183	Nguyễn Thị Lan Anh	3170123007	23SNV1	1	07 (C401)	ĐHSP
184	251184	Phạm Phước Châu Anh	3180223003	23CVNH2	1	07 (C401)	ĐHSP
185	251185	Phạm Việt Anh	3120123002	23SPT	1	07 (C401)	ĐHSP
186	251186	Võ Nguyễn Thị Minh Anh	3180523004	23CLS	1	07 (C401)	ĐHSP
187	251187	Võ Phương Anh	3240423003	23SAN	1	07 (C401)	ĐHSP
188	251188	Phạm Thị Minh Ánh	3220124025	24STH4	1	07 (C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
189	251189	Phạm Thị Ngọc Ánh	3230123008	23SMN2	1	07 (C401)	ĐHSP
190	251190	Nguyễn Thanh Minh Bằng	3120224006	24CNTT1	1	07 (C401)	ĐHSP
191	251191	Lê Hoàng Bảo	3120124003	24SPT	1	07 (C401)	ĐHSP
192	251192	Lô Thái Bảo	3170724007	24CQCC	1	07 (C401)	ĐHSP
193	251193	Huỳnh Thị Ngọc Bích	3180223007	23CVNH1	1	07 (C401)	ĐHSP
194	251194	Đặng Trần Tiểu Bình	3220123032	23STH7	1	07 (C401)	ĐHSP
195	251195	Nguyễn Hoàng Huệ Chi	3170223003	23CVH	1	07 (C401)	ĐHSP
196	251196	La Tú Dân	3220223007	23STC	1	07 (C401)	ĐHSP
197	251197	Bùi Thị Ngọc Diệp	3220123053	23STH1	1	08 (C402)	ĐHSP
198	251198	Bùi Thị Ngọc Diệp	3230123024	23SMN2	1	08 (C402)	ĐHSP
199	251199	Nguyễn Hồng Đức	3220223012	23STC	1	08 (C402)	ĐHSP
200	251200	Trần Hữu Đức	3150423005	23CNSH	1	08 (C402)	ĐHSP
201	251201	Nguyễn Thái Minh Dung	3170323008	23CVHH	1	08 (C402)	ĐHSP
202	251202	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	3220123064	23STH6	1	08 (C402)	ĐHSP
203	251203	Phạm Thị Thùy Dung	3150123007	23SS	1	08 (C402)	ĐHSP
204	251204	Trần Lê Phương Dung	3180724014	24SLD2	1	08 (C402)	ĐHSP
205	251205	Trương Thị Dung	3220123065	23STH2	1	08 (C402)	ĐHSP
206	251206	Đỗ Việt Dũng	3110123014	23ST2	1	08 (C402)	ĐHSP
207	251207	Nguyễn Hà Giang	3120421003	21CNTTC	1	08 (C402)	ĐHSP
208	251208	Nguyễn Thị Hương Giang	3180724016	24SLD2	1	08 (C402)	ĐHSP
209	251209	Trương Thị Giang	3170223011	23CVH	1	08 (C402)	ĐHSP
210	251210	Đinh Thị Giao	3230124036	24SMN2	1	08 (C402)	ĐHSP
211	251211	Dương Thị Thu Hà	3170123019	23SNV1	1	08 (C402)	ĐHSP
212	251212	Trần Nguyễn Thu Hà	3170123020	23SNV2	1	08 (C402)	ĐHSP
213	251213	Lô Văn Hải	3180724017	24SLD1	1	08 (C402)	ĐHSP
214	251214	Hồ Thị Thanh Hằng	3230124044	24SMN4	1	08 (C402)	ĐHSP
215	251215	Nguyễn Thanh Hằng	3170724018	24CQCC	1	08 (C402)	ĐHSP
216	251216	Nguyễn Thị Hằng	3220124071	24STH1	1	08 (C402)	ĐHSP
217	251217	Nguyễn Thị Thanh Hằng	3110123027	23ST1	1	08 (C402)	ĐHSP
218	251218	Lê Quang Hạnh	3120222031	22CNTT1	1	08 (C402)	ĐHSP
219	251219	Nguyễn Minh Anh Hào	3110122019	22ST2	1	08 (C402)	ĐHSP
220	251220	Mai Văn Hậu	3220124357	24STH7	1	08 (C402)	ĐHSP
221	251221	Nguyễn Ngô Thu Hiền	3240423015	23SAN	1	08 (C402)	ĐHSP
222	251222	Võ Thái Hòa	3120223063	23CNTT3	1	08 (C402)	ĐHSP
223	251223	Hồ Thị Hoàn	3150423007	23CNSH	1	08 (C402)	ĐHSP
224	251224	Nguyễn Xuân Khải Hoàn	3220224023	24STC2	1	08 (C402)	ĐHSP
225	251225	Nguyễn Thị Thanh Hồng	3170223016	23CVH	1	09 (C404)	ĐHSP
226	251226	Dương Thị Hồng Hợp	3230123055	23SMN3	1	09 (C404)	ĐHSP
227	251227	Phan Đình Công Huân	3110123037	23ST2	1	09 (C404)	ĐHSP
228	251228	Lê Trần Thanh Huệ	3180224027	24CVNH2	1	09 (C404)	ĐHSP
229	251229	Phạm Thị Kim Huệ	3220124099	24STH4	1	09 (C404)	ĐHSP
230	251230	Lê Vĩnh Hùng	3120221042	21CNTT2	1	09 (C404)	ĐHSP
231	251231	Lê Văn Tuấn Hưng	3190423026	23CDDL	1	09 (C404)	ĐHSP
232	251232	Đoàn Thị Thu Hương	3170223017	23CVH	1	09 (C404)	ĐHSP
233	251233	Phạm Thị Mai Hương	3220123138	23STH4	1	09 (C404)	ĐHSP
234	251234	Bùi Thúy Hường	3220123139	23STH6	1	09 (C404)	ĐHSP
235	251235	Phan Minh Thanh Hường	3170323015	23CVHH	1	09 (C404)	ĐHSP
236	251236	Đỗ Mai Hoàng Huy	3140322018	22CHD	1	09 (C404)	ĐHSP
237	251237	Chu Thị Khánh Huyền	3180724027	24SLD2	1	09 (C404)	ĐHSP
238	251238	Đinh Thị Mỹ Huyền	3220123145	23STH1	1	09 (C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường	
239	251239	Lê Võ Khánh	Huyền	3150423012	23CNSH	1	09 (C404)	ĐHSP
240	251240	Nguyễn Thị	Huyền	3220123150	23STH1	1	09 (C404)	ĐHSP
241	251241	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3180724030	24SLD1	1	09 (C404)	ĐHSP
242	251242	Phạm Thị Thanh	Huyền	3160524022	24SCD	1	09 (C404)	ĐHSP
243	251243	Phan Thị Thanh	Huyền	3220123154	23STH5	1	09 (C404)	ĐHSP
244	251244	Trần Nguyễn Khánh	Huyền	3150423013	23CNSH	1	09 (C404)	ĐHSP
245	251245	Nguyễn Bảo	Khánh	3220123159	23STH6	1	09 (C404)	ĐHSP
246	251246	Nguyễn Thuận Văn	Khoa	3180722031	22SLD2	1	09 (C404)	ĐHSP
247	251247	Y	Khuyn	3180724034	24SLD2	1	09 (C404)	ĐHSP
248	251248	Phạm Tất Trung	Kiên	3240423069	23SAN	1	09 (C404)	ĐHSP
249	251249	Trần Văn	Kim	3180221035	21CVNH1	1	09 (C404)	ĐHSP
250	251250	Hồ Thị Phương	Liên	3160121027	21SGC	1	09 (C404)	ĐHSP
251	251251	Trần Thùy	Liên	3180223053	23CVNH1	1	09 (C404)	ĐHSP
252	251252	Đặng Nguyễn Thùy	Linh	3220223025	23STC	1	09 (C404)	ĐHSP
253	251253	Đào Nguyễn Hiền	Linh	3160523011	23SCD	1	09 (C404)	ĐHSP
254	251254	Dương Thị Khánh	Linh	3220124117	24STH1	1	09 (C404)	ĐHSP
255	251255	Lê Thị Thùy	Linh	3230124080	24SMN3	1	09 (C404)	ĐHSP
256	251256	Lê Thục	Linh	3180223056	23CVNH2	1	09 (C404)	ĐHSP
257	251257	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	3190423035	23CDDL	1	09 (C404)	ĐHSP
258	251258	Phạm Thị Khánh	Linh	3170223028	23CVH	1	09 (C404)	ĐHSP
259	251259	Thái Thị Phương	Linh	3220124129	24STH4	1	09 (C404)	ĐHSP
260	251260	Thái Thùy	Linh	3130124010	24SVL	1	09 (C404)	ĐHSP
261	251261	Trần Thị Mỹ	Linh	3130124011	24SVL	1	09 (C404)	ĐHSP
262	251262	Võ Thị Hà	Linh	3140724050	24SKT2	1	09 (C404)	ĐHSP
263	251263	Lê Thị Mai	Loan	3220124133	24STH1	1	09 (C404)	ĐHSP
264	251264	Hà Thiên	Long	3220124134	24STH2	1	09 (C404)	ĐHSP
265	251265	Phan Văn	Long	3180223059	23CVNH1	1	09 (C404)	ĐHSP
266	251266	Phan Việt	Lực	3110124039	24ST1	1	09 (C404)	ĐHSP
267	251267	Hồ Thị Xuân	Mai	3230124089	24SMN4	1	09 (C404)	ĐHSP
268	251268	Hoàng Thị Thanh	Mai	3180724043	24SLD2	1	09 (C404)	ĐHSP
269	251269	Lê Thị Quỳnh	Mai	3110123054	23ST1	1	09 (C404)	ĐHSP
270	251270	Hồ Như	Minh	3120123019	23SPT	2	10 (A401)	ĐHSP
271	251271	Ngô Thị Nhật	Minh	3230124091	24SMN2	2	10 (A401)	ĐHSP
272	251272	Nguyễn Thị Hồng	Minh	3180724044	24SLD1	2	10 (A401)	ĐHSP
273	251273	Nguyễn Thảo	My	3170322028	22CVHH	2	10 (A401)	ĐHSP
274	251274	Nguyễn Thị Diễm	My	3170223032	23CVH	2	10 (A401)	ĐHSP
275	251275	Nguyễn Trà	My	3190423040	23CDDL	2	10 (A401)	ĐHSP
276	251276	Thái Thị	Na	3220124154	24STH6	2	10 (A401)	ĐHSP
277	251277	Ksor	Nam	3220123446	23STH6	2	10 (A401)	ĐHSP
278	251278	Nguyễn Thành	Nam	3150423017	23CNSH	2	10 (A401)	ĐHSP
279	251279	Huỳnh Thái	Ngân	3220123232	23STH6	2	10 (A401)	ĐHSP
280	251280	Nguyễn Hoàng Mẫn	Nghi	3120123021	23SPT	2	10 (A401)	ĐHSP
281	251281	Lê Nguyễn Như	Ngọc	3180724057	24SLD2	2	10 (A401)	ĐHSP
282	251282	Lê Thị Hoài	Ngọc	3140723064	23SKT2	2	10 (A401)	ĐHSP
283	251283	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	3200223067	23CTL2	2	10 (A401)	ĐHSP
284	251284	Trần Thị Thảo	Nguyên	3220123247	23STH6	2	10 (A401)	ĐHSP
285	251285	Võ Ngọc Phương	Nguyên	3150423019	23CNSH	2	10 (A401)	ĐHSP
286	251286	Đặng Thị Thanh	Nguyệt	3220123248	23STH2	2	10 (A401)	ĐHSP
287	251287	Trần Thị Kim Mỹ	Nguyệt	3230123114	23SMN2	2	10 (A401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
288	251288	Lê Mai Thanh Nhân	3160524031	24SCD	2	10 (A401)	ĐHSP
289	251289	Nguyễn Thị Nhân	3220123252	23STH7	2	10 (A401)	ĐHSP
290	251290	Phạm Võ Hạnh Nhân	3170323086	23CVHH	2	10 (A401)	ĐHSP
291	251291	Đặng Phạm Yên Nhi	3160523023	23SCD	2	10 (A401)	ĐHSP
292	251292	Nguyễn Hiền Nhi	3180724061	24SLD2	2	10 (A401)	ĐHSP
293	251293	Nguyễn Hồ Bảo Nhi	3160523024	23SCD	2	10 (A401)	ĐHSP
294	251294	Nguyễn Thị Văn Nhi	3120123025	23SPT	2	10 (A401)	ĐHSP
295	251295	Nguyễn Thị Yến Nhi	3160523025	23SCD	2	10 (A401)	ĐHSP
296	251296	Nguyễn Thị Yến Nhi	3220123262	23STH1	2	10 (A401)	ĐHSP
297	251297	Phạm Thị Ánh Nhi	3220223041	23STC	2	10 (A401)	ĐHSP
298	251298	Trần Thị Yến Nhi	3160523026	23SCD	2	11 (A402)	ĐHSP
299	251299	Trương Thái Yến Nhi	3180522030	22CLS	2	11 (A402)	ĐHSP
300	251300	Võ Nguyễn Yến Nhi	3200223083	23CTL1	2	11 (A402)	ĐHSP
301	251301	Võ Tăng Bích Nho	3140724066	24SKT2	2	11 (A402)	ĐHSP
302	251302	Dương Hà Như	3230123121	23SMN4	2	11 (A402)	ĐHSP
303	251303	Hà Bảo Như	3200323049	23CTXH	2	11 (A402)	ĐHSP
304	251304	Nguyễn Thị Quỳnh Như	3150423021	23CNSH	2	11 (A402)	ĐHSP
305	251305	Nguyễn Thị Quỳnh Như	3200223087	23CTL1	2	11 (A402)	ĐHSP
306	251306	Trần Thị Tố Như	3170123085	23SNV1	2	11 (A402)	ĐHSP
307	251307	Trần Thị Vân Như	3200223090	23CTL2	2	11 (A402)	ĐHSP
308	251308	Cao Thị Nụ	3230124128	24SMN2	2	11 (A402)	ĐHSP
309	251309	Lê Thị Kiều Oanh	3230124131	24SMN1	2	11 (A402)	ĐHSP
310	251310	Nguyễn Thị Kim Oanh	3170323040	23CVHH	2	11 (A402)	ĐHSP
311	251311	Võ Duy Phú	3120123027	23SPT	2	11 (A402)	ĐHSP
312	251312	Đồng Ngọc Phúc	3120224112	24CNTT1	2	11 (A402)	ĐHSP
313	251313	Phạm Văn Phước	3180223079	23CVNH1	2	11 (A402)	ĐHSP
314	251314	Hoàng Thị Hà Phương	3140723076	23SKT2	2	11 (A402)	ĐHSP
315	251315	Y Lan Phương	3230124137	24SMN3	2	11 (A402)	ĐHSP
316	251316	Hồ Sĩ Quân	3120224115	24CNTT1	2	11 (A402)	ĐHSP
317	251317	Lê Anh Quân	3170423091	23CBC1	2	11 (A402)	ĐHSP
318	251318	Ngô Phan Văn Quân	3180223085	23CVNH1	2	11 (A402)	ĐHSP
319	251319	Trần Hữu Anh Quân	3150324025	24CTM	2	11 (A402)	ĐHSP
320	251320	Huỳnh Sơn Hùng Quang	3220223048	23STC	2	11 (A402)	ĐHSP
321	251321	Ngô Nguyễn Bảo Quý	3200222065	22CTL	2	11 (A402)	ĐHSP
322	251322	Lê Phương Uyên	3190423054	23CDDL	2	11 (A402)	ĐHSP
323	251323	Đặng Thị Cẩm Quỳnh	3230123139	23SMN3	2	11 (A402)	ĐHSP
324	251324	Nguyễn Như Quỳnh	3230124142	24SMN4	2	11 (A402)	ĐHSP
325	251325	Phan Lê Yến Quỳnh	3180224072	24CVNH1	2	11 (A402)	ĐHSP
326	251326	Trần Nguyễn Nguyệt Quỳnh	3180221246	21CVNH2	2	12 (A403)	ĐHSP
327	251327	Trương Thị Như Quỳnh	3230123143	23SMN2	2	12 (A403)	ĐHSP
328	251328	Trần Xuân Sang	3120224122	24CNTT1	2	12 (A403)	ĐHSP
329	251329	Nguyễn Thị Sương	3150423025	23CNSH	2	12 (A403)	ĐHSP
330	251330	Huỳnh Anh Tài	3120224125	24CNTT1	2	12 (A403)	ĐHSP
331	251331	Nguyễn Lê Tấn Tài	3130323013	23CVK	2	12 (A403)	ĐHSP
332	251332	Nguyễn Thị An Tâm	3200223110	23CTL1	2	12 (A403)	ĐHSP
333	251333	Nguyễn Cảnh Tấn	3120124027	24SPT	2	12 (A403)	ĐHSP
334	251334	Nguyễn Thị Thắm	3180223092	23CVNH2	2	12 (A403)	ĐHSP
335	251335	Mai Thị Thanh Thanh	3230123150	23SMN2	2	12 (A403)	ĐHSP
336	251336	Brôl Thị Thảo	3230123151	23SMN3	2	12 (A403)	ĐHSP
337	251337	Ngô Thị Phương Thảo	3120123033	23SPT	2	12 (A403)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
338	251338	Trần Đặng Phương Thảo	3180724078	24SLD1	2	12 (A403)	ĐHSP
339	251339	Trần Thị Thanh Thảo	3190423069	23CDDL	2	12 (A403)	ĐHSP
340	251340	Võ Thị Thảo	3150123034	23SS	2	12 (A403)	ĐHSP
341	251341	Dương Võ Hà Thơ	3140724082	24SKT2	2	12 (A403)	ĐHSP
342	251342	Đinh Thị Kim Thoa	3230120256	20SMN1	2	12 (A403)	ĐHSP
343	251343	Trần Thị Thơm	3220223058	23STC	2	12 (A403)	ĐHSP
344	251344	Bùi Đoàn Phương Thư	3200324060	24CTXH	2	12 (A403)	ĐHSP
345	251345	Đỗ Hoài Thư	3150123035	23SS	2	12 (A403)	ĐHSP
346	251346	Hoàng Thị Thư	3170123105	23SNV1	2	12 (A403)	ĐHSP
347	251347	Lê Thị Anh Thư	3140723097	23SKT2	2	12 (A403)	ĐHSP
348	251348	Phạm Đặng Anh Thư	3190423074	23CDDL	2	12 (A403)	ĐHSP
349	251349	Tào Thị Anh Thư	3110124068	24ST1	2	12 (A403)	ĐHSP
350	251350	Trần Đường Thư	3140723098	23SKT2	2	12 (A403)	ĐHSP
351	251351	Võ Thị Anh Thư	3170123106	23SNV2	2	12 (A403)	ĐHSP
352	251352	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	3200419033	19CTLC	2	12 (A403)	ĐHSP
353	251353	Trần Thị Thu Thương	3180223111	23CVNH1	2	13 (B401)	ĐHSP
354	251354	Lê Thị Thanh Thúy	3170423112	23CBC2	2	13 (B401)	ĐHSP
355	251355	Lê Nguyễn Thùy Tiên	3170223060	23CVH	2	13 (B401)	ĐHSP
356	251356	Nguyễn Thị Thủy Tiên	3180224089	24CVNH2	2	13 (B401)	ĐHSP
357	251357	Nguyễn Thị Thủy Tiên	3220223063	23STC	2	13 (B401)	ĐHSP
358	251358	Trương Hoài Hà Tiên	3200324064	24CTXH	2	13 (B401)	ĐHSP
359	251359	Vũ Đức Tiến	3120421021	21CNTTC	2	13 (B401)	ĐHSP
360	251360	Nguyễn Thị Thanh Tin	3200324065	24CTXH	2	13 (B401)	ĐHSP
361	251361	Đặng Thị Huyền Trâm	3220123368	23STH1	2	13 (B401)	ĐHSP
362	251362	Giản Nguyễn Thùy Trâm	3220124290	24STH4	2	13 (B401)	ĐHSP
363	251363	Hồ Thị Huyền Trâm	3180224092	24CVNH2	2	13 (B401)	ĐHSP
364	251364	Trần Lê Thùy Trâm	3170124077	24SNV2	2	13 (B401)	ĐHSP
365	251365	Đặng Ngọc Bảo Trân	3150423037	23CNSH	2	13 (B401)	ĐHSP
366	251366	Phan Trần Trân	3170223064	23CVH	2	13 (B401)	ĐHSP
367	251367	Hoàng Thị Thùy Trang	3220124294	24STH1	2	13 (B401)	ĐHSP
368	251368	Nguyễn Thị Thu Trang	3170423122	23CBC2	2	13 (B401)	ĐHSP
369	251369	Nguyễn Thị Thu Trang	3200221270	21CTLC	2	13 (B401)	ĐHSP
370	251370	Võ Thu Trang	3110124074	24ST1	2	13 (B401)	ĐHSP
371	251371	Đặng Ngọc Băng Trinh	3190423082	23CDDL	2	13 (B401)	ĐHSP
372	251372	Mai Thanh Trúc	3170223069	23CVH	2	13 (B401)	ĐHSP
373	251373	Mai Thị Thanh Trúc	3230123193	23SMN1	2	13 (B401)	ĐHSP
374	251374	Nguyễn Thị Thanh Trúc	3220123398	23STH4	2	13 (B401)	ĐHSP
375	251375	Võ Huỳnh Trúc	3240423058	23SAN	2	13 (B401)	ĐHSP
376	251376	Nguyễn Đăng Trường	3180724098	24SLD2	2	13 (B401)	ĐHSP
377	251377	Hoàng Thị Thanh Tú	3150423042	23CNSH	2	13 (B401)	ĐHSP
378	251378	Lê Anh Tú	3180221289	21CVNH1	2	13 (B401)	ĐHSP
379	251379	Nguyễn Thanh Tú	3120221114	21CNTT3	2	13 (B401)	ĐHSP
380	251380	Phan Anh Tuấn	3130121123	21SVL1	2	14 (B402)	ĐHSP
381	251381	Trần Thị Thanh Tuyền	3200223135	23CTL1	2	14 (B402)	ĐHSP
382	251382	Ngô Thị Phương Uyên	3170323072	23CVHH	2	14 (B402)	ĐHSP
383	251383	Võ Diễm Kiều Uyên	3170223071	23CVH	2	14 (B402)	ĐHSP
384	251384	Nguyễn Lê Bích Vân	3160523047	23SCD	2	14 (B402)	ĐHSP
385	251385	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	3200324073	24CTXH	2	14 (B402)	ĐHSP
386	251386	Trần Thị Thanh Vân	3200324076	24CTXH	2	14 (B402)	ĐHSP
387	251387	Hồ Đức Việt	3190123055	23SDL	2	14 (B402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
388	251388	Đỗ Ý Vy	3240423065	23SAN	2	14 (B402)	ĐHSP
389	251389	Nguyễn Thị Hải Yến	3230124220	24SMN2	2	14 (B402)	ĐHSP
390	251390	Võ Văn An	2211506112210 1	22XD1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
391	251391	Hồ Quang Anh	2311507212210 1	23MT1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
392	251392	Trần Hưng Anh	2311507112210 1	23VL1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
393	251393	Huỳnh Gia Bảo	2211505512220 5	22TDH2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
394	251394	Nguyễn Thanh Bình	2311504312210 3	23N1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
395	251395	Đặng Phương Bình	2211504212220 3	22DL2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
396	251396	Nguyễn Trường Chinh	2311504412210 9	23CDT1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
397	251397	Nguyễn Đức Chính	2050512200115	20D1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
398	251398	Nguyễn Văn Bảo Cường	2211505412211 2	22DT1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
399	251399	Trần Quang Cường	2311507112210 3	23VL1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
400	251400	Lê Phúc Danh	2211504112220 8	22C2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
401	251401	Trần Hưng Đạo	2211504412220 8	22CDT2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
402	251402	Lê Đức Đạt	2211504112220 9	22C2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
403	251403	Võ Huỳnh Ngọc Diệp	2311507512310 2	23KHH1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
404	251404	Hồ Trần Đoan	2211505122231 1	22D1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
405	251405	Ngô Trung Đức	2211504212221 1	22DL2	2	14 (B402)	ĐHSPKT
406	251406	Nguyễn Việt Dũng	2211504412211 3	22CDT1	2	14 (B402)	ĐHSPKT
407	251407	Trần Kỳ Duy	2211504112221 4	22C2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
408	251408	Nguyễn Việt Duy	2211504112221 5	22C2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
409	251409	Lê Việt Hà	2211504112211 4	22C1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
410	251410	Nguyễn Văn Hiệp	2211505512222 3	22TDH2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
411	251411	Trần Trung Hiếu	2415072122106	24MT1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
412	251412	Lê Văn Hiếu	2050431200118	20N1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
413	251413	Lê Văn Ngọc Hiếu	2111506412010 4	21XH1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
414	251414	Nguyễn Thị Hiếu	2311507512310 3	23KHH1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
415	251415	Hà Khánh Hoàng	2211506112222 0	22XD2	2	15 (B403)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
416	251416	Nguyễn Huy Hoàng	21115043120116	21N1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
417	251417	Huỳnh Bá Huân	22115053122318	22T3	2	15 (B403)	ĐHSPKT
418	251418	Nguyễn Văn Huy	21115042120127	21DL1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
419	251419	Trịnh Minh Huy	21115042120232	21DL2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
420	251420	Hồ Văn Huy	22115042122230	22DL2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
421	251421	Bùi Đoàn Quang Huy	22115055122234	22TDH2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
422	251422	Dương Gia Huy	21115042120123	21DL1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
423	251423	Nguyễn Gia Huy	21115054120119	21DT1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
424	251424	Đặng Thị Thanh Huyền	22115054122124	22DT1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
425	251425	Nguyễn Văn Huyn	2050531200161	20T1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
426	251426	Nguyễn Vũ Kha	22115041122230	22C2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
427	251427	Bùi Ngọc Kiên	22115043122119	22N1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
428	251428	Vô Ngọc Lân	22115061122227	22XD2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
429	251429	Hồ Thăng Lành	22115042122240	22DL2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
430	251430	Vô Văn Tày Lin	22115054122131	22DT1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
431	251431	Trần Công Linh	22115051222213	22D1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
432	251432	Nguyễn Đức Lộc	22115051222214	22D1	2	15 (B403)	ĐHSPKT
433	251433	Nguyễn Văn Thành Long	22115042122242	22DL2	2	15 (B403)	ĐHSPKT
434	251434	Vô Đức Lương	2050611200133	20XD1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
435	251435	Lê Đào Văn Luyện	22115044122227	22CDT2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
436	251436	Đoàn Thanh Lý	22115041122236	22C2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
437	251437	Lâm Quang Mẫn	22115061122232	22XD2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
438	251438	Nguyễn Trung Nam	21115051220236	21D1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
439	251439	Ngô Thế Nam	21115054120132	21DT1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
440	251440	Phạm Sự Nghiệp	22115044122232	22CDT2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
441	251441	Lý Văn Nhân	22115044122234	22CDT2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
442	251442	Nguyễn Tấn Phát	22115041122143	22C1	2	16 (C402)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
443	251443	Hồ Kim Phúc	2211504112224 2	22C2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
444	251444	Dương Thị Vi Phương	2415073122135	24KTTP1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
445	251445	Nguyễn Thanh Quang	2111504412024 3	21CDT2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
446	251446	Mai Công Quang	2211505122213 6	22D2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
447	251447	Trần Văn Quốc	2111504412024 7	21CDT2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
448	251448	Huỳnh Lê Ngọc Quý	2211504112224 7	22C2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
449	251449	Huỳnh Quốc Sĩ	2211505512226 0	22TDH2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
450	251450	Trần Gia Thái	2211514112212 0	22SK1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
451	251451	Nguyễn Tấn Tất Thành	2111504112024 5	21C2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
452	251452	Nguyễn Đức Thành	2111504212015 6	21DL1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
453	251453	Cao Thị Hương Thi	2311507512311 0	23KHH1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
454	251454	Đoàn Trọng Thiện	2111505122016 0	21D1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
455	251455	Mai Dũng Hoàn Thiện	2111504312015 0	21N1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
456	251456	Đỗ Khắc Thủy	2111504412015 8	21CDT1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
457	251457	Lê Văn Tiến	2111506112014 0	21XD1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
458	251458	Phạm Xuân Tiến	2211505512216 2	22TDH1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
459	251459	Đỗ Đình Tiến	2211505122223 7	22D1	2	16 (C402)	ĐHSPKT
460	251460	Nguyễn Văn Tin	2111504112025 2	21C2	2	16 (C402)	ĐHSPKT
461	251461	Nguyễn Quốc Tín	2211505412216 8	22DT1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
462	251462	Nguyễn Tấn Toàn	2311505512224 9	23TDH2	2	17 (C401)	ĐHSPKT
463	251463	Nguyễn Minh Trí	2211504312223 8	22N2	2	17 (C401)	ĐHSPKT
464	251464	Nguyễn Hoàn Triều	2111504112015 8	21C1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
465	251465	Phùng Văn Trọng	2211505312214 3	22T1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
466	251466	Trương Bảo Trung	2211505512227 1	22TDH2	2	17 (C401)	ĐHSPKT
467	251467	Huỳnh Thân Trường	2211506112225 3	22XD2	2	17 (C401)	ĐHSPKT
468	251468	Nguyễn Linh Tuấn	2050611200160	20XD1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
469	251469	Nguyễn Anh Tuấn	2211505122214 6	22D2	2	17 (C401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
470	251470	Phạm Ngọc Tuấn	2211505122224 5	22D3	2	17 (C401)	ĐHSPKT
471	251471	Nguyễn Hữu Lê Tuấn	2111504312015 8	21N1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
472	251472	Lê Công Tuấn	2111504312016 0	21N1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
473	251473	Đỗ Trần Tuyển	2111505312015 9	21T1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
474	251474	Huỳnh Tấn Việt	2111504312016 1	21N1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
475	251475	Nguyễn Đức Vũ	2311504312214 4	23N1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
476	251476	Đoàn Ngọc Vũ	2211504412216 0	22CDT1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
477	251477	Phạm Ngọc Vũ	2111504312016 3	21N1	2	17 (C401)	ĐHSPKT
478	251478	Trần Thế Anh	22DA003	22DA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
479	251479	Nguyễn Minh Phương Đan	24EF044	24EF	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
480	251480	Nguyễn Hồ Đạt	20IT416	20SE6	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
481	251481	Nguyễn Hồ Thành Đạt	22IT061	22SE2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
482	251482	Đỗ Thị Ngọc Diễm	22BA011	22BA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
483	251483	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	22DM014	22DM	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
484	251484	Nguyễn Thành Đức	21AD019	21AD	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
485	251485	Châu Thị Mỹ Dung	24DM017	24DM	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
486	251486	Nguyễn Ngọc Hiếu	23DM032	23DM1	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
487	251487	Hồ Thị Hoa	23EL040	23EL2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
488	251488	Nguyễn Quốc Hoàng	22IT.B085	22MCB	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
489	251489	Trần Doãn Hoàng	21IT203	21NS	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
490	251490	Trịnh Phan Thanh Huy	22DA033	22DA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
491	251491	Cao Thị Thu Huyền	22IT.B097	22SE1B	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
492	251492	Nguyễn Thị Kim Huyền	21IT493	21NS	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
493	251493	Huỳnh Thị Trúc Linh	23DM053	23DM1	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
494	251494	Lê Văn Lợi	21CE030	21CE1	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
495	251495	Bùi Thị Khánh Ly	23EL058	23EL2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
496	251496	Nguyễn Thị Ly	24BA028	24GBA	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
497	251497	Trương Châu Ánh Ngọc	24DM067	24DM	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
498	251498	Lê Văn Nguyên	22CE.019	22IC	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
499	251499	Trần Văn Nhớ	21IT219	21NS	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
500	251500	Nguyễn Toàn Phúc	21CE039	21CE1	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
501	251501	Dương Hồng Quân	22ET034	22ET	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
502	251502	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	23IT.B185	23SE4	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
503	251503	Phạm Thị Phương Thảo	23DM119	23DM2	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
504	251504	Phan Tấn Tín	21IT385	21SE5	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
505	251505	Nguyễn Thị Thanh Tình	24DM111	24DM	2	17 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
506	251506	Ngô Thị Minh Trang	24EL095	24EL	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
507	251507	Phan Lý Thùy Trang	24DM113	24DM	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
508	251508	Bùi Thanh Vương	22IT349	22JIT	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
509	251509	Ngô Thanh Vương	22IT.B249	22SE1B	2	18 (C404)	ĐHCNTT&TTVH
510	251510	Nguyễn Hà Phương	211120501212	RHM21	2	18 (C404)	Y Dược
511	251511	Trần Lê Hồng Hà	217720501195	RHM2I	2	18 (C404)	Y Dược

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
512	251512	Trần Phương Nhi	217720501210	RHM21	2	18 (C404)	Y Dược
513	251513	Phan Thái Bình	211120101008	YK21B	2	18 (C404)	Y Dược
514	251514	Hoàng Thị Bích Trâm	231720301036	DD23	2	18 (C404)	Y Dược
515	251515	Lê Thị Thanh Hằng	237720301009	DD23	2	18 (C404)	Y Dược
516	251516	Ngô Thị Tiểu Vy	221720201044	D22	2	18 (C404)	Y Dược
517	251517	Trần Thủy Tiên	231720301033	DD23	2	18 (C404)	Y Dược
518	251518	Trần Mỹ An	21030004	21BMS	2	18 (C404)	VANDTVA
519	251519	Hồ Đức Quý Anh	22080008	22IBC1	2	18 (C404)	VANDTVA
520	251520	Trịnh Thị Khánh Chi	21010001	21IBM2	2	18 (C404)	VANDTVA
521	251521	Lê Khả Dũng	21010061	21IBM2	2	18 (C404)	VANDTVA
522	251522	Trần Thị Hồng Hạnh	22010035	22IBM2	2	18 (C404)	VANDTVA
523	251523	Đặng Hữu Học	21020010	21CSE	2	18 (C404)	VANDTVA
524	251524	Huỳnh Thanh Bích Hợp	22080041	22IBC1	2	18 (C404)	VANDTVA
525	251525	Phạm Quỳnh Hương	22010001	22IBM1	2	18 (C404)	VANDTVA
526	251526	Hồ Hữu Huy	21020015	21CSE	2	18 (C404)	VANDTVA
527	251527	Vũ Thái Huyền	22010028	22IBM2	2	18 (C404)	VANDTVA
528	251528	Phạm Thị Gia Hy	22050007	22THM	2	18 (C404)	VANDTVA
529	251529	Đặng Lê Khanh	23010046	23IBM3	2	18 (C404)	VANDTVA
530	251530	Lê Văn Kiệt	22090001	22SE	2	18 (C404)	VANDTVA
531	251531	Đỗ Trần Nguyên Long	22080025	22IBC1	2	18 (C404)	VANDTVA
532	251532	Nguyễn Thị Ánh Ly	20050046	20THM1	2	18 (C404)	VANDTVA
533	251533	Nguyễn Thị Ngọc Minh	22070012	22DDM	2	18 (C404)	VANDTVA
534	251534	Từ Thị Trà My	21010044	21IBM4	2	18 (C404)	VANDTVA
535	251535	Phan Thảo Ngân	21030005	21BMS	2	18 (C404)	VANDTVA
536	251536	Trần Khánh Ngọc	20010076	20IBM4	2	18 (C404)	VANDTVA
537	251537	Nguyễn Xuân Nguyên	21050020	21THM	2	18 (C404)	VANDTVA
538	251538	Trương Ý Nguyên	21010082	21IBM2	2	18 (C404)	VANDTVA
539	251539	Ninh Yến Nhi	22010021	22IBM1	2	18 (C404)	VANDTVA
540	251540	Nguyễn Trần Hồng Phúc	21010101	21IBM4	2	18 (C404)	VANDTVA
541	251541	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20010079	20IBM4	2	18 (C404)	VANDTVA
542	251542	Huỳnh Quốc Thái	20010030	20IBM4	2	18 (C404)	VANDTVA
543	251543	Trần Phương Thảo	21010086	21IBM1	2	18 (C404)	VANDTVA
544	251544	Huỳnh Thị Linh Thoại	20010088	20IBM3	2	18 (C404)	VANDTVA
545	251545	Nguyễn Thị Minh Thư	22010018	22IBM2	2	18 (C404)	VANDTVA
546	251546	Nguyễn Trần Anh Thư	20050018	20THM1	2	18 (C404)	VANDTVA
547	251547	Lê Nguyên Bảo Trâm	22010010	22IBM1	2	18 (C404)	VANDTVA
548	251548	Nguyễn Thị Mai Trúc	21050014	21THM	2	18 (C404)	VANDTVA
549	251549	Phạm Duy Trường	21020014	21CSE	2	18 (C404)	VANDTVA
550	251550	Nông Đức Việt	23050024	23THM	2	18 (C404)	VANDTVA

Danh sách có 550 thí sinh./